TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/DS-PT
Ngày: 17-01-2025
V/v: Tranh chấp về QSD đất, quyền sở hữu tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và hủy quyết định cá biệt"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự
Các Thẩm phán: ông Phạm Tồn
bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** bà Trần Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 288/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp về QSD đất, quyền sở hữu tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và hủy quyết định cá biệt"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: ông Đặng Văn Q, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ F, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Văn Đ, Luật sư Văn phòng L, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Q. Địa chỉ: hẻm A N, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- ***Bị đơn***: ông Trần Công H (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Trần Công H:

+ Bà Đặng Thị X, sinh năm 1955 *(Vợông Trần Công H)*;

+ Bà Trần Thị H1, sinh năm 1979 *(Conông Trần Công H)*;

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1981 *(Con ông Trần Công H)*;

+ Ông Trần Công T1, sinh năm 1984 *(Con ông Trần Công H)*;

+ Bà Trần Thị T2, sinh năm 1990 *(Con ông Trần Công H)*;

+ Bà Trần Thị T3, sinh năm 1992 *(Con ông Trần Công H)*;

Cùng địa chỉ: tổ F, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam**;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Bùi Trọng N – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (văn bản uỷ quyền ngày 28/6/2024).

2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ F, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị B: ông Đặng Văn Q, sinh năm 1965; địa chỉ: tổ F, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người kháng cáo: nguyên đơnông Đặng Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Văn Q trình bày:

Vào năm 1980, vợ chồng ông Q có khai hoang một thửa đất tại thôn T, xã B, huyện T để trồng cây dương liễu và bạc hà với diện tích khoảng 1.119m^2. Từ năm 1990 đến nay, tôi khai thác nhiều lần để sử dụng và bán cho nhiều người làm nhà. Do công việc làm nghề biển, đánh bắt xa bờ, nên ông chưa làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đầu năm 2017, ông Trần Công H ở cùng thôn đến khu vực đất trồng rừng của ông cưa chặt 20 cây dương liễu và bạc hà trị giá 10.000.000 đồng và đốt phá cây cối của tôi. Tôi có báo cáo chính quyền địa phương. Tại biên bản ngày 07/9/2018, UBND xã B cho rằng khu đất trồng dương liễu và bạc hà của tôi nằm trong thửa đất số 141, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2 đã được UBND huyện

T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Công H ngày 18/12/1997. Trong đó phần diện tích đất có cây của ông nằm trong giấy chứng nhận của ông H là 793m^2, xác nhận hiện trạng là có nhiều cây dương và bạc hà. Tại biên bản này ông H cũng xác nhận là tôi trồng 20 cây dương trên đất ông.

Ngày 15/3/2019, UBND xã B tiếp tục hòa giải việc tranh chấp đất, nhưng ông H vẫn cho rằng đất này ông đã có bìa đỏ nên ông sử dụng.

Trong đơn xác nhận nguồn gốc đất và cây có các ông bà: Nguyễn Văn H2, Nguyễn Ấ, Đặng Thị P, Trần Công S (là người cùng thôn T) biết rõ việc tôi có trồng cây dương liễu và bạc hà trên đất này. Các ông bà: Trần Công T4, Đặng Hùng D, Trần T5 đã mua cây của tôi để làm nhà từ những năm 1999, 2002, 2006. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H trên diện tích do tôi sử dụng ổn định từ năm 1980, có tài sản của tôi trên đất là không đúng pháp luật. Do đó, ông Đặng Văn Q khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp ngày 18/12/1997 cho hộ ông Trần Công H đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2, cụ thể là đối với phần diện tích đất 939,8m^2 của vợ chồng ông sử dụng ổn định từ năm 1980.

- Công nhận 12 cây bạc hà (bạch đàn) và 02 cây dương liễu (phi lao) gắn liền với diện tích 939,8m^2 đất của thửa đất số 141, tờ bản đồ số 19, có diện tích 2.000m^2 thuộc quyền sở hữu, quản lý và sử dụng của ông Đặng Văn Q.

- Buộc ông Trần Công H phải bồi thường giá trị 20 cây (gồm 16 cây dương liễu và 04 cây bạc hà) đã cưa chặt 10.000.000 đồng cho vợ chồng ông.

Bị đơn ông Trần Công H trình bày:

Trước đây mẹ ruột tôi là bà Trương Thị Đ1 có khai phá và sử dụng diện tích 2.000 – 3.000m^2 đất từ những năm 1975. Đến năm 1990, vợ chồng tôi chuyển đến sống gần khu đất được mẹ cho nằm trong phần diện tích mẹ tôi khai phá, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Hồ T6, phía Tây giáp đất ông Trần Công H3, phía Nam giáp đất ông Nguyễn Tấn T7, phía Bắc giáp đất bà Trương Thị T8. Sau đó, vợ chồng tôi tiếp tục trồng cây như dương liễu, bạch đàn, đào lộn hột. Đến năm 1997, vợ chồng tôi đã kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 141, tờ bản đồ sồ 19, diện tích 2.000m^2, loai đất rừng sản xuất. Sau khi gia đình tôi được cấp giấy chứng nhận, ông Q có xin trồng dặm 01 ít cây dương liễu, vợ chồng tôi đồng ý. Khi cây lớn ông Q đã khai thác, hiện nay trên đất không còn cây của ông Q. Do đó, tôi kính đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Q.

Tại Công văn số 1590/UBND-TNMT ngày 01/7/2024 (BL 118), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện T trình bày:

- Thực hiện Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ về việc giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân. Hộ ông Trần Công H kê khai đăng ký và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 141, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất. Đồng thời, hộ ông Đặng Văn Q kê khai đăng ký và cũng được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 19, diện tích 8.550m^2, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất (theo Công văn số 61/UBND-ĐC ngày 17/6/2024 của UBND xã B).

Căn cứ Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 quy định về bảo đảm của Nhà nước đối với người sử dụng đất. *"5. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".*

Do đó, ông Đặng Văn Q yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do UBND huyện T cấp vào ngày 18/12/1997 cho hộ ông Trần Công H, đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m² là không có cơ sở.

Tại Công văn số 61/UBND-ĐC ngày 17/6/2024 (BL 115), UBND xã B cung cấp thông tin:

Phần diện tích 946,5m² đất tranh chấp do hộ ông Trần Công H kê khai đăng ký và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 02/CP của Chính phủ ngày 15/01/1994 *về việc Giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp,* là thửa đất số 141, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m², mục đích sử dụng đất: đất rừng sản xuất.

Hiện trạng phần diện tích đất tranh chấp chỉ có 20% có cây cối, phần còn lại là đất trống.

Qua xác minh các hộ dân có sử dụng đất gần thửa đất tranh chấp, thì không xác định được cây trồng trên phần đất tranh chấp do ai trồng.

Cùng thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị đinh 02/CP của Chính phủ, hộ ông Đặng Q (Đặng Văn Q) đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 19, diện tích 8.550m², mục đích sử dụng đất: đất rừng sản xuất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 21 Luật Đất đai năm 1993; Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Q về việc*"Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản"* đối với ông Trần Công H.

Công nhận 20 cây (bạch đàn và dương liễu) đã bị ông Trần Công H cưa chặt và 10 cây bạch đàn và 02 cây dương liễu hiện có trên diện tích 939,8m^2 đất nằm trong thửa đất số 141, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2 tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền sở hữu của ông Đặng Văn Q;

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Trần Công H (Do bà Trần Thị T đại diện) trả cho vợ chồng ông Đặng Văn Q số tiền 10.389.000 đồng *(Mười triệu, ba trăm tám mươi chín ngàn đồng)* (giá trị 20 cây bạch đàn và dương liễu đã chết, 10 cây bạch đàn và 02 cây dương liễu).

10 cây bạch đàn và 02 cây dương liễu hiện có trên diện tích 939,8m^2 đất nằm trong thửa đất số 141, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2 tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Trần Công H.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc: Công nhận diện tích 939,8m^2 đất nằm trong thửa đất số 141, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2 tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Đặng Văn Q; Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp thửa đất số 141, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2 cho hộ ông Trần Công H ngày 18/12/1997 đối với diện tích 939,8m^2 đất (*có sơ đồ bản vẽ kèm theo*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 29/9/2024, nguyên đơn ông Đặng Văn Q nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo ông Đặng Văn Q giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn cho rằng theo trích lục tờ bản bản đồ số 19 do Chi nhánh Văn phòng Đ3 cung cấp cho Toà án thì giữa các thửa 141, 142 và 144 còn một thửa đất chưa đánh số thửa, có chiều dài theo hướng

Đ2 – Tây, có thể đây chính là thửa đất mà ông Q đã trồng cây từ năm 1980. Để xác định đúng vị trí thửa đất của ông H cần phải đo đạc lại và xác định vị trí đúng, căn cứ vào trích lục tờ bản đồsố 19; đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về nội dung vụ án, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm, ông Đặng Văn Q sinh ngày 03/8/1965, chưa đủ 60 tuổi tại thời điểm xét xử sơ thẩm, không có đơn đề nghị miễn án phí. Toà án cấp sơ thẩm miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Q với lý do người cao tuổi là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về nguồn gốc đất và tài sản tranh chấp:

Nguồn gốc diện tích 939,8m² đất hiện nay ông Đặng Văn Q và ông Trần Công H tranh chấp do hộ ông Trần Công H kê khai đăng ký và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Công H ngày 18/12/1997 theo Nghị định 02/CP của Chính phủ ngày 15/01/1994 về việc giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp là thửa đất số 141, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2.

[2] Cùng thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 02/CP của Chính phủ, hộ ông Đặng Q (Đặng Văn Q) cũng được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 19, diện tích 8.550m², mục đích sử dụng đất: đất rừng sản xuất.

[3] Tại Biên bản về việc giải quyết Đơn của công dân do UBND xã B lập ngày 04/01/2018 (bút lục 13) ông Đặng Văn Q đã thừa nhận: ông Q có xin ông Trần Công H trồng cây bạc hà. Tại Biên bản về việc giải quyết Đơn ngày 04/01/2018 Chủ tịch UBND xã B kết luận: theo ý kiến của ông H và ông Q, trước đây ông H đồng ý cho ông Q trồng trên diện tích đã có bìa (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), nên yêu cầu ông Q không được trồng xen vào diện tích đã có bìa. Những số cây đã trồng trên đất, ông Q tự khai thác còn đất trả lại cho ông H.

[4] Như vậy, việc ông Q có cây trên đất là do ông Q xin và được ông Trần Công H đồng ý cho trồng cây trên diện tích đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do cây đã lớn, nhưng ông Q không thu hồi để trả lại đất như đã hứa, nên ông H đã cưa, chặt cây của ông Q dẫn đến tranh chấp. Việc ông Q cho rằng thửa đất tranh chấp do ông khai hoang từ năm 1980 là không có cơ sở.

[5] Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: công nhận diện tích 939,8m^2 đất nằm trong thửa đất số 141, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2 tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông Đặng Văn Q và không chấp nhận yêu cầu: hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp thửa đất số 141, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2 cho hộ ông Trần Công H ngày 18/12/1997 đối với diện tích 939,8m^2 đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Việc Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn cho rằng còn một thửa đất chưa đánh số thửa, nằm giữa các thửa 141, 142 và 144 có chiều dài theo hướng Đông-Tây chính là thửa đất mà ông Q đã trồng cây từ năm 1980 là không phù hợp với tài liệu do Văn phòng Đ4 cung cấp thể hiện thửa đất tranh chấp diện tích 939,8m^2 nằm trong thửa đất số 141, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.000m^2 được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Công H ngày 18/12/1997.

[7] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm về yêu cầu công nhận quyền sở hữu tài sản là cây bạch đàn và dương liễu không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xét, giữ nguyên.

[8] Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đặng Văn Q sinh ngày 03/8/1965, chưa đủ 60 tuổi tại thời điểm xét xử sơ thẩm, không có đơn đề nghị miễn án phí nên ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Toà án cấp sơ thẩm xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Q với lý do người cao tuổi là không đúng qui định, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Văn Q;

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về nội dung;

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Văn Q phải chịu 300.000đ; khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000đ tại biên lai số 0000453 ngày 17/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam, còn lại hoàn trả cho ông Đặng Văn Q 250.000đ.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đặng Văn Q phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0000218 ngày 17/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Tự